

TAND HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 26 /2017/HSST
 Ngày 11/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Quách Thị Tình

2- Ông Bùi Văn Kiên

Th- ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10,11 /7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2017/HSST ngày 12 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T - Tên gọi khác: Không;

Sinh năm 1975, tại xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKNKTT: Thôn Lộc Phượng 1, xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Lộc Phượng 1, xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa; Số CMND: 171842286; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; con ông : Nguyễn Văn T (Đã chết) và bà: Nguyễn Thị V (Đã chết); vợ: Nguyễn Thị H; có 02 con, đều đã trưởng thành; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Huy G - Tên gọi khác: Không;

Sinh năm 1983, tại xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKNKTT: Thôn Yên Phú, xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Yên Phú, xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa; Số CMND: 172433716; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị T; vợ: Trịnh Thị T; có 02 con, lớn 12 tuổi, nhỏ 6 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 22/4/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 27 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng về tội Đánh bạc (Bản án số 22/2015/HSST). Hiện bị cáo đang chấp hành thời gian thử thách của bản án trên; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2016 đến ngày 04/01/2017, sau đó được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên Tòa.

3. Lê Trọng D - Tên gọi khác: Không;

Sinh năm: 1989, tại xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa.

Nơi ĐKNKTT: Thôn Quảng Be, xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Quảng Be, xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa; Số CMND: 173400446; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 9/12; con ông: Lê Trọng S và bà: Phạm Thị Đ; Vợ: Đinh Thị Thảo C; có 01 con 4 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 27/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian chấp hành án về tội Đánh bạc (Bản án số 38/2016/HSST). Hiện bị cáo đang trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2016 đến ngày 04/01/2017, sau đó được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Hoàng Văn H - Tên gọi khác: Không;

Sinh năm 1986, tại xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKNKTT: Thôn Yên Phú, xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn Yên Phú, xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa; Số CMND: 172735515; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Hoàng Văn V và bà Phạm Thị L; vợ: Phạm Thanh H; có 03 con, lớn 4 tuổi, nhỏ 1 tuổi; tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ 09 ngày, kể từ ngày 01/12/2016 đến ngày 10/12/2016, sau đó áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Đào Hữu Th - Tên gọi khác: Không;

Sinh năm 1974, tại xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKNKTT: Thôn Bình Sậy, xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Bình Sậy, xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa; Số CMND: 171692796; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 2/12; Con ông: Đào Hữu T (Đã chết) và bà: Nguyễn Thị T; Vợ: Hoàng Thị T; có 02 con, lớn 18 tuổi, nhỏ 12 tuổi; tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ 09 ngày, kể từ ngày 01/12/2016 đến ngày 10/12/2016, sau đó bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Hữu Q - Tên gọi khác: Không;

Sinh năm 1997, tại xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKNKTT: Thôn Anh Thành, xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Quyết Thắng, xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa; Số CMND: 174832065; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị T - Sinh năm 1968; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ 09 ngày, kể từ ngày 01/12/2016 đến ngày 10/12/2016, sau đó bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. . Hiện bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Duy N - Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1980, tại xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKNKTT: Thôn Quyết Thắng, xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Quyết Thắng, xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành,

Thanh Hóa; Số CMND: 173924516; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 2/12; con ông: Nguyễn Danh Ca và bà: Nguyễn Thị Hoa; vợ: Lại Thị Bắc; có 02 con, lớn 11 tuổi, nhỏ 4 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ 07 ngày, kể từ ngày 03/12/2016 đến ngày 10/12/2016, sau đó bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Trường G - Tên gọi khác: Không;

Sinh năm 1978, tại xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKNKTT: Thôn Phượng Long, xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Phượng Long, xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa; Số CMND: 172421871; nghề nghiệp: Lái xe; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 9/12; con ông: Nguyễn Bá L và bà: Phạm Thị N; vợ là Đào Thị T; có 02 con, lớn 13 tuổi, nhỏ 10 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ 07 ngày, kể từ ngày 03/12/2016 đến ngày 10/12/2016, sau đó bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

9. Đinh Văn Th1 - Tên gọi khác: Không;

Sinh năm 1968, tại xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKNKTT: Thôn Thành Tân, xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Thành Tân, xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa; Số CMND: 172431864; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Mường; trình độ văn hóa: 2/10; con ông: Đinh Văn Ổ (đã chết) và bà : Đinh Thị L (đã chết); vợ: Bùi Thị D; tiền sự: Không; tiền án: Không; Nhân thân: Tháng 02 năm 1998 bị xử phạt hành chính về hành vi mua bán lâm sản trái phép, Ngày 26/8/1999, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ (Bản án hình sự phúc thẩm số 97 ngày 26/8/1999), đến nay bị cáo đã chấp hành xong bản án và đương nhiên được xóa án tích; Bị cáo bị tạm giữ 09 ngày, kể từ ngày 01/12/2016 đến ngày 10/12/2016, sau đó bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

10. Nguyễn Thị Th2 - Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 05/10/1977, tại xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKNKTT: Thôn Mỹ Lợi, xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Mỹ Lợi, xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa; số CMND 172731865; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 2/12; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà: Nguyễn Thị V (đã chết); chồng Trương Hồng C; có 02 con, lớn 21 tuổi, nhỏ 15 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ 03 ngày, kể từ ngày 07/12/2016 đến ngày 10/12/2016 được trả tự do, đến ngày 04/01/2017 bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Các bị cáo bị VKSND huyện Thạch Thành truy tố về hành vi phạm tội nh- sau:
Vào sáng ngày 01/12/2016, Đào Hữu Th, Nguyễn Huy G, Hoàng Văn H, Nguyễn

Hữu Q, Nguyễn Duy N, Nguyễn Trường G, Lê Trọng D, Đinh Văn Th1 đến nhà Nguyễn Văn T ở thôn Lộc Phương 1, xã Thành Vinh ngồi chơi, uống nước. Tại đây còn có Nguyễn Thị Th2 là em gái T. Đến khoảng 11 giờ 00 phút, cùng ngày, T, G, D, H, Th, Q rủ nhau đánh xóc đĩa ăn tiền và thống nhất số tiền đặt cửa trong mỗi ván chơi thấp nhất là 50.000 đồng, mức cao nhất không giới hạn. T khóa cửa, chuẩn bị bát, đĩa, cắt “Quân vị”, lấy chiếu trải ra gian buồng ngủ của gia đình để những người trên đánh bạc. Sau đó thì N, G, Th1, Th2 cũng vào tham gia cùng. Quá trình đánh bạc, T là người cầm cái, xóc đĩa, phân cửa chẵn, lẻ, ăn thua với các con bạc khác. Đến 12 giờ 40 phút cùng ngày, G và N nghỉ ra về, Th2 ra mở cửa thì bị tổ công tác Công an huyện Thạch Thành ập vào, bắt quả tang đối với T, G, D, H, Th, Q, Th1 về hành vi đánh bạc, đồng thời thu giữ tại chiếu bạc số tiền 37.140.000 đồng và các công cụ, phương tiện phạm tội gồm: 01 chiếc bát, 01 chiếc đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn được cắt ra từ vỏ bao thuốc lá, 02 chiếc chiếu cói; ngoài ra, lực lượng công an còn kiểm tra, thu giữ của các đối tượng 08 điện thoại di động và số tiền 260.000 đồng trên người Nguyễn Hữu Q để phục vụ công tác điều tra. Thời điểm bắt quả tang, G, N, Th2 không còn ở trong chiếu bạc nên không bị bắt giữ. Sau đó G, N đến cơ quan điều tra đầu thú, còn Th2 bị bắt khẩn cấp về hành vi đánh bạc.

Trong quá trình điều tra, bị cáo T khai nhận đã cùng những người khác đánh bạc trái phép tại nhà ở của gia đình; thu tiền hồ của một số người chơi cùng số tiền 600.000 đồng, số tiền này Tồn đã sử dụng để đánh bạc, sau đó bị bắt và thu giữ trong tổng số tiền 37.140.000 đồng tại chiếu bạc. Các bị cáo G, H, D, Th, Q, G, N, Th1 đều đã thừa nhận hành vi đánh bạc tại nhà T, bị cáo Quyền còn khai nhận số tiền 260.000 đồng thu giữ trong người Q là tiền đánh bạc. Bị cáo Th2, không thừa nhận có tham gia đánh bạc mà chỉ thừa nhận có mặt tại nhà T. Tuy nhiên, các bị cáo G, H, D, Th, Q, Th1, G, N đều thống nhất khai Th2 có tham gia đánh bạc. Các bị cáo còn khai phù hợp về diễn biến việc Th2 tham gia đánh bạc, vị trí, cách thức đánh bạc của Th2. Riêng bị cáo T khai không biết Th2 có tham gia đánh bạc không.

Ngoài ra, các bị cáo G, H, D, Th, Q, Th1, G, N còn khai nhận Th2 còn cho T vay tiền, đi lấy tiền cho T đánh bạc nhưng Th2 và T không thừa nhận, quá trình điều tra cũng không xác định được số tiền và người cho vay tiền nên không có cơ sở xác định Th2 có hành vi giúp sức cho T đánh bạc.

Quá trình điều tra cũng đã xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 37.400.000 đồng, bao gồm 37.140.000 đồng thu trên chiếu bạc và 260.000 đồng thu giữ trên người bị cáo Q.

Kết quả xác minh về tài sản và thu nhập của các bị cáo xác định các bị cáo D, Q hiện không có tài sản có giá trị; các bị cáo còn lại đều có tài sản.

Về vật chứng vụ án: Thông qua bắt quả tang và kiểm tra trên người các bị cáo, Cơ quan điều tra đã thu giữ: - Số tiền 37.400.000 đồng (trong đó thu tại chiếu bạc 37.140.000 đồng; thu trên người của bị cáo Q 260.000 đồng); 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 02 chiếc chiếu cói, 04 quân vị hình tròn được cắt ra từ vỏ bao thuốc lá và 08 chiếc điện thoại di động.

Quá trình điều tra, xác định 08 chiếc điện thoại di động là tài sản hợp pháp của các bị cáo T, G, Q (2 chiếc), H, D, Th, Th1 không liên quan đến hành vi phạm tội

nên Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho các bị cáo. Các vật chứng còn lại đang được bảo quản, chờ xử lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 16/CTr - VKS - TA, ngày 10/5/2017, VKSND huyện Thạch Thành đã truy tố Nguyễn Văn T về tội Gá bạc theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Huy G, Đào Hữu Th, Hoàng Văn H, Nguyễn Thị Th2, Nguyễn Duy Ng, Nguyễn Trường G và Đinh Văn Th1 bị truy tố về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 248 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Lê Trọng D, Nguyễn Hữu Q bị truy tố về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 249, điểm p khoản 1 điều 46, điều 30 và điều 33 của BLHS 1999 xử phạt Nguyễn Văn T từ 18 đến 21 tháng tù về tội Gá bạc. Phạt tiền 10.000.000 đồng.

Áp dụng: Điều 20 và điều 53 BLHS 1999 đối với tất cả các bị cáo về tội: “Đánh bạc”.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248, điểm p khoản 1 điều 46, điều 30, điều 33, điểm a khoản 1 điều 50 của BLHS 1999 xử phạt Nguyễn Văn T từ 18 đến 21 tháng tù về tội đánh bạc. Tổng hợp hình phạt 2 tội đối với bị cáo. Phạt tiền 15.000.000 đồng.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248, điểm p khoản 1 điều 46, điểm g khoản 1 điều 48, điều 30, điều 33, khoản 5 điều 60, khoản 2 điều 51 của BLHS 1999 xử phạt Nguyễn Huy G từ 18 đến 21 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 27 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 22/2015/HSST ngày 22/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Phạt tiền Nguyễn Huy G 12.000.000 đồng sung quỹ nhà nước;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 điều 46, điểm g khoản 1 điều 48, điều 33, điểm b khoản 1 điều 50, khoản 2 điều 51 của BLHS 1999 xử phạt Lê Trọng D từ 18 đến 21 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án hình sự sơ thẩm số 38/2016/HSST ngày 27/9/2016.

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 điều 248, điểm h, p khoản 1 điều 46, điều 30 và điều 60 BLHS 1999 xử phạt Hoàng Văn H từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Phạt tiền Hoàng Văn H 12.000.000 đồng sung quỹ nhà nước;

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 điều 248, điểm h, p khoản 1 điều 46, điều 30 và điều 60 BLHS 1999 xử phạt Đào Hữu Th từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Phạt tiền Đào Hữu Th 12.000.000 đồng sung quỹ nhà nước;

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 điều 46, điều 60 của BLHS 1999 xử phạt Nguyễn Hữu Q từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo.

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 30, điều 31 BLHS 1999, điểm x khoản 1 điều 51 BLHS 2015, xử phạt Nguyễn Duy Ng từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 10% thu nhập của Nguyễn Duy N trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ nhà nước. Phạt tiền 10.000.000 đồng.

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 30, điều 31 BLHS 1999, điểm x khoản 1 điều 51 BLHS 2015, xử phạt Nguyễn

Trường G từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 10% thu nhập của Nguyễn Trường G trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ nhà n- ốc. Phạt tiền 10.000.000 đồng.

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248, điểm p khoản 1 điều 46, điều 30 và điều 31 BLHS 1999, xử phạt Đinh Văn Th1 từ 30 đến 36 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 10% thu nhập của Đinh Văn Th2 trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ nhà n- ốc. Phạt tiền 10.000.000 đồng.

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248, điểm h khoản 1 điều 46, điều 30 và điều 31 BLHS 1999, xử phạt Nguyễn Thị Th2 từ 30 đến 36 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 10% thu nhập của Nguyễn Thị Th2 trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ nhà n- ốc. Phạt tiền 10.000.000 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Huy G, Lê Trọng D, Hoàng Văn H, Đào Hữu Th, Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Duy N, Nguyễn Trường G, Đinh Văn Th1 trình bày: Từ khoảng 11 giờ 00 phút ngày 01/12/2016, T, G, D, Hùng, Th, Q N, G, Th1, Thất đã đánh xóc đĩa ăn tiền tại nhà T. Quá trình đánh bạc T thu tiền hồ của những bị cáo này lấy số tiền 600.000 đồng, đến 12 giờ 40 phút thì bị tổ công tác Công an huyện Thạch Thành ập vào, bắt quả tang đồng thời thu giữ tại chiếu bạc và trên người bị cáo Q tổng cộng số tiền 37.400.000 đồng và các công cụ, phương tiện phạm tội .

Bị cáo Th2 khai không tham gia đánh bạc mà chỉ thừa nhận có mặt tại nhà T để nấu cơm cho T ăn và xem các bị cáo khác đánh bạc (từ BL số 287 đến 303).

Bị cáo T khai bản thân tham gia đánh bạc và gá bạc nhưng không biết Th2 có tham gia đánh bạc không. Tại phiên tòa bị cáo T đã xuất trình Giấy xác nhận hộ nghèo, cận nghèo số 159/ GXN – HN - HCN ngày 03/01/2017 của gia đình bị cáo T.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những ng- ời tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Tại phiên Tòa các bị cáo T, G, D, H, Th, Q, N, G, Th1 đã nhận tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Riêng bị cáo T khai nhận đã cùng những người khác đánh bạc trái phép tại nhà ở của gia đình mình và T thu tiền hồ của một số người chơi cùng số tiền 600.000 đồng (BL 260, 262, 264, 266, 267, 268, 269, 273), nhưng T (anh trai Th2) chỉ thừa nhận quá trình đánh bạc, Nguyễn Thị Th2 ngồi ở đầu ghế băng không biết việc bị cáo Th2 có tham gia đánh bạc hay không (BL 261, 267, 271). Lời nhận tội của các bị cáo T, G, D, H, Th, Q, N, G, Th1 phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra (từ BL số 256 đến 274, từ BL số 513 đến 535, từ BL số 429 đến 445, từ BL số 458 đến 480, từ BL số 371 đến 390, từ BL số 488 đến 504, từ BL số 343 đến 360, từ BL số 312 đến 334, từ BL số 399 đến 418), biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu trả tang vật và những tài liệu, chứng cứ đã đ- ọc thu thập có trong hồ sơ. Đối với bị cáo Th2 không thừa nhận hành vi đánh bạc của mình. Hội đồng xét xử xét thấy: Th2 không có mâu thuẫn gì với các bị cáo G, D, H, Th, Q, N, G, Th1. Nhưng trong tất cả lời khai và biên bản đối chất những bị cáo trên đều khai Th2 tham gia đánh bạc cùng với những bị cáo này, trong

đó bị cáo N là người ngồi cùng với Th2 ở trên ghế băng gần chiếu bạc cũng trực tiếp thấy Th2 tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc Th2 có thay đổi chỗ ngồi và các bị cáo khác đều thấy. Lời khai của những bị cáo này phù hợp với hiện trường, thời gian, địa điểm cùng với những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Tuy Th2 khai mục đích lên nhà T là để nấu cơm cho T ăn, nhưng khi T không yêu cầu Th2 phải nấu cơm thì Th2 không về nhà. Th2 có thể mở cửa cho G, N về và không ai cấm Th2 mở cửa để về nhà nhưng Th2 không về, thực tế Th2 không nấu cơm mà ngồi tham gia đánh bạc. Mặt khác, Th2 là phụ nữ bị bệnh suy tim, khi ở trong phòng ngủ ở nhà T, trong lúc đánh bạc các bị cáo hút thuốc lá trong phòng kín rất nhiều, đáng ra một người bị bệnh tim mạch, lại là phụ nữ nếu không tham gia đánh bạc Th2 hoàn toàn có thể đi ra phòng khách ngồi chơi để tránh khói thuốc hoặc có thể ra về. Nhưng Th2 vẫn ở lại để tham gia đánh bạc cho đến khi bị công an bắt quả tang.

Từ những phân tích nêu trên hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Thị Th2 có hành vi đánh bạc cùng với các bị cáo T, G, D, H, Th, Q, N, G, Th1. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “*Đánh bạc*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, khoản 3 điều 248 Bộ luật hình sự 1999 đối với các bị cáo Nguyễn Huy G, Đào Hữu Th, Hoàng Văn H, Nguyễn Thị Th2, Nguyễn Duy N, Nguyễn Trường G và Đinh Văn Th1. Khoản 1 điều 248 BLHS 1999 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Trọng D, Nguyễn Hữu Q. Hành vi dùng nhà ở của gia đình mình cho các bị cáo khác đánh bạc (tổng số 10 bị cáo) và thu tiền hồ của một số người chơi cùng số tiền 600.000 đồng của Nguyễn Văn T đã phạm vào tội Gá bạc. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của VKSND huyện Thạch Thành truy tố là đúng ng-ời, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Trong đó, Nguyễn Văn T là người sử dụng nơi ở, chuẩn bị công cụ, phương tiện, trực tiếp cầm cái, xóc cái, phân cửa chắn, lẻ, ăn thua với các con bạc còn lại nên có vai trò thứ nhất trong vụ án đánh bạc, đồng thời T còn phải độc lập chịu trách nhiệm hình sự về tội Gá bạc. Tiếp đến là bị cáo Nguyễn Huy G, Lê Trọng D, Hoàng Văn H, Đào Hữu Th, Nguyễn Hữu Q tham gia đánh bạc từ đầu và liên tục cho đến khi bị bắt quả tang nên có vai trò thứ hai. Các bị cáo Nguyễn Duy N, Nguyễn Trường G, Đinh Văn Th1 và Nguyễn Thị Th2 có thời gian đánh bạc ít hơn và không liên tục nên có vai trò thứ ba trong vụ án. Hành vi đánh bạc của các bị cáo mang tính chất ít nghiêm trọng, hành vi gá bạc của T là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến nếp sống văn minh của xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm đồng thời làm gia tăng các tệ nạn xã hội, ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay.

[3]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thật thà thành khẩn là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự. Bản thân đang bị bệnh nặng suy thận độ IV phải chạy thận nhân tạo. Tuy nhiên bị cáo phạm 2 tội, là người khởi xướng và thực hành tích cực nên có vai trò đầu vụ trong vụ án đánh bạc. Vì vậy cần xét xử bị cáo một mức án nghiêm minh,

tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe giáo dục riêng, phòng ngừa chung .

Bị cáo Nguyễn Huy G phạm tội trong thời gian thử thách của án treo nên theo khoản 5 điều 60 BLHS Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 27 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 22/2015/HSST ngày 22/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Đối với lần phạm tội này bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 BLHS, có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự. Nghĩ nên cần xét xử bị cáo một mức án phù hợp, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam của bản án trước là 4 tháng 27 ngày và thời gian tạm giữ, tạm giam của lần phạm tội này là 35 ngày, tổng cộng là 6 tháng 02 ngày sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Bị cáo Lê Trọng D phạm tội trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ 14 tháng 15 ngày của bản án hình sự sơ thẩm số 38/2016/HSST ngày 27/9/2016, ngày chấp hành án từ 14/11/2016 cho nên tính đến ngày phạm tội lần này bị cáo mới chấp hành được 17 ngày. Thời gian bị cáo tiếp tục chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ khi bị cáo được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh ngày 04/01/2017 đến khi xét xử sơ thẩm là 6 tháng 7 ngày. Tổng thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 6 tháng 24 ngày. Như vậy thời gian bị cáo chưa chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 7 tháng 21 ngày (14 tháng 15 ngày – 6 tháng 24 ngày = 7 tháng 21 ngày) sẽ được quy đổi thành 2 tháng 17 ngày tù để tổng hợp hình phạt với lần phạm tội này. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 BLHS, có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự. Nghĩ nên cần xét xử bị cáo một mức án phù hợp, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 35 ngày sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt. Bị cáo bị khấu trừ thu nhập theo bản án hình sự sơ thẩm số 38/2016/HSST ngày 27/9/2016. Do bị cáo đã nộp một lần toàn bộ khoản khấu trừ thu nhập vào ngày 11/4/2017 nên bị cáo đã thi hành xong. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Các bị cáo Hoàng Văn H, Đào Hữu Th, Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Duy N, Nguyễn Trường G phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thật thà thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải với tội lỗi đã phạm, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm p, h khoản 1 điều 46 BLHS. Riêng 2 bị cáo N và G có thêm 02 tình tiết giảm nhẹ là sau khi phạm tội đã đầu thú quy định tại khoản 2 điều 46 BLHS 1999, có bố là người có công với nước nên cần áp dụng khoản 3 Điều 7 BLHS 2015 cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm x khoản 1 điều 51 BLHS 2015. Vì vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Do 2 bị cáo G và N có vai trò thứ ba sau các bị cáo H, Th, Q và có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn nên hình phạt đối với hai bị cáo này sẽ nhẹ hơn so với các bị cáo H, Th, Q. Nghĩ cần áp dụng điều 60 BLHS đối với các bị cáo H, Th, Q và điều 31 BLHS đối với Ng, G để không cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là

phù hợp pháp luật. Các bị cáo N, G bị tạm giữ 7 ngày được quy đổi để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Bị cáo Đinh Văn Th1 phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng vì ngày 26/8/1999, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ (Bản án hình sự phúc thẩm số 97 ngày 26/8/1999), bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án từ ngày 05/9/2000 và đương nhiên được xóa án tích. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thật thà thành khẩn. Thời gian sinh sống tại địa phương từ năm 2000 cho đến khi phạm tội lần này chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các quy định của pháp luật, có lối sống hòa đồng với mọi người xung quanh và không mâu thuẫn với ai. Sau khi có hành vi đánh bạc bản thân bị cáo luôn day dứt và ân hận về những việc đã làm, được chính quyền địa phương xác nhận chứng tỏ bị cáo đã ăn năn hối cải với tội lỗi đã phạm là 2 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự. Mặt khác xét hành vi cụ thể của Th1 thì thấy rằng: Th1 tham gia với vai trò thấp nhất. Ban đầu Th1 không tham gia đánh bạc vì không có tiền nên Th1 chỉ ngồi trên giường xem, đến khi được bị cáo D cho 200.000 đồng (BL 432), bị cáo T cho 100.000 đồng (BL 431, 441) thì Th1 mới tham gia thả điều, ván đánh ván không. Hành vi đánh bạc của Th1 có số lần đánh ít, không liên tục, diễn ra trong một thời gian ngắn và có mức độ không lớn. Ngoài ra Th1 là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, văn hóa 2/10 nên trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo có nơi thường trú rõ ràng. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhà nước ta. Thời gian bị cáo Th1 bị tạm giữ 9 ngày được quy đổi để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Thị Th2 phạm tội không có tình tiết tăng nặng, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo Th2 tham gia đánh bạc với vai trò thứ yếu số lần đánh ít, chỉ thả điều, không liên tục và có mức độ không lớn. Bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, là phụ nữ đang bị bệnh suy tim nặng. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhà nước ta. Thời gian bị cáo Th2 bị tạm giữ 3 ngày được quy đổi để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Các bị cáo G, N, Th2, Th1 có lao động, có thu nhập. Tại phiên tòa các bị cáo G khai có thu nhập 2.400.000 đồng/1 tháng, N 3.000.000 đồng/ 1 tháng, Th2 2.000.000 đồng / 1 tháng, Th1 2.000.000 đồng/ 1 tháng. Nghĩ cần khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước

[4]. Các bị cáo Nguyễn Huy G, Đào Hữu Th, Hoàng Văn H, Nguyễn Thị Th2, Nguyễn Duy N, Nguyễn Trường G và Đinh Văn Th1 có tài sản, có thu nhập, nghĩ cần áp dụng khoản 3, điều 248, điều 30 BLHS để phạt tiền bổ sung. Khoản tiền phạt này

các bị cáo phải nộp một lần trong thời hạn một tháng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Riêng bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa đã xuất trình giấy xác nhận hộ nghèo nghị nên không phạt tiền bị cáo.

Trong vụ án này các bị cáo G, H, D, Th, Q, Th1, G, N còn khai nhận Th2 cho T vay tiền, đi lấy tiền cho T đánh bạc nhưng Th2 và T không thừa nhận, quá trình điều tra cũng không xác định được cụ thể số tiền và người cho vay tiền nên không có cơ sở xác định Th2 và người khác có hành vi giúp sức cho T đánh bạc.

[5]. Về xử lý vật chứng: - Số tiền 37.400.000 đồng trong đó thu tại chiếu bạc 37.140.000 đồng; thu trên người của bị cáo Q 260.000 đồng là tiền dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 02 chiếc chiếu cói, 04 quân vị hình tròn được cắt ra từ vỏ bao thuốc lá là công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng. Đối với 08 chiếc điện thoại di động là tài sản hợp pháp của các bị can T, G, Q, H, D, Th, Th1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho các bị cáo là phù hợp pháp luật.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên Cơ quan điều tra công an huyện Thạch Thành và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bởi những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Tuyên bố:** - Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “ Gá bạc ”

- Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Huy G, Lê Trọng D, Hoàng Văn H, Đào Hữu Th, Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Duy N, Nguyễn Trường G, Đinh Văn Th1 và Nguyễn Thị Th2 phạm tội: “ Đánh bạc”

- Áp dụng: Điều 20 và điều 53 BLHS 1999 đối với tất cả các bị cáo về tội: Đánh bạc.

- Áp dụng: Khoản 1 điều 249, điểm p khoản 1 điều 46 và điều 33 của BLHS 1999 xử phạt Nguyễn Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù.

- Áp dụng: Khoản 1 điều 248, điểm p khoản 1 điều 46 và điều 33 của BLHS 1999 xử phạt Nguyễn Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù.

- Áp dụng: Điểm a khoản 1 điều 50 của BLHS 1999 tổng hợp hình phạt của 2 tội buộc Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt là 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248, điểm p khoản 1 điều 46, điểm g khoản 1 điều 48, điều 30, điều 33, khoản 5 điều 60, khoản 2 điều 51 của BLHS 1999 xử phạt Nguyễn Huy G 12 (Mười hai) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 27 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 22/2015/HSST ngày 22/4/2015 của Tòa án nhân dân

tỉnh Thanh Hóa, được trừ đi 6 tháng 02 ngày tạm giữ, tạm giam của 2 bản án. Buộc bị cáo Nguyễn Huy G phải chấp hành hình phạt chung của cả 2 bản án là 32 (Ba mươi hai) tháng 28 (hai mươi tám) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt tiền Nguyễn Huy G 12.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 điều 46, điểm g khoản 1 điều 48, điều 33, điểm b khoản 1 điều 50, khoản 2 điều 51 của BLHS 1999 xử phạt Lê Trọng D 12 (Mười hai) tháng tù. Tổng hợp hình phạt là 12 tháng tù + 2 tháng 17 ngày tù, được trừ đi 35 ngày tạm giữ, tạm giam. Buộc bị cáo Lê Trọng D phải chấp hành hình phạt là 13 (Mười ba) tháng 12 (Mười hai) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 điều 248, điểm h, p khoản 1 điều 46, điều 30 và điều 60 BLHS 1999 xử phạt Hoàng Văn H 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền Hoàng Văn H 12.000.000 đồng sung quỹ nhà nước;

Giao bị cáo Hoàng Văn H cho UBND xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 điều 248, điểm h, p khoản 1 điều 46, điều 30 và điều 60 của BLHS 1999 xử phạt Đào Hữu Th 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền Đào Hữu Th 12.000.000 đồng sung quỹ nhà nước;

Giao bị cáo Đào Hữu Th cho UBND xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng: Khoản 1 điều 248, điểm h, p khoản 1 điều 46, điều 60 của BLHS 1999 xử phạt Nguyễn Hữu Q 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu Q cho UBND xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo Hùng, Thái, Quyền thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 30, điều 31 BLHS 1999, khoản 3 điều 7, điểm x khoản 1 điều 51 BLHS 2015 xử phạt Nguyễn Duy N 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 21 ngày do quy đổi từ 7 ngày tạm giữ. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 14 (Mười bốn) tháng 9 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt, tính từ ngày cơ quan, đơn vị đ- ợc giao giám sát, giáo dục nhận đ- ợc quyết định thi hành án và bản án.

Giao Nguyễn Duy N cho UBND xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 10% thu nhập của Nguyễn Duy Ng trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ nhà n- ớc. Khoản tiền này bằng 300.000đ/ 1 tháng (Ba trăm nghìn đồng một tháng).

Phạt tiền Nguyễn Duy N 10.000.000 đồng sung quỹ nhà nước;

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 30, điều 31 BLHS 1999, khoản 3 điều 7, điểm x khoản 1 điều 51 BLHS 2015 xử phạt Nguyễn Trường G 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 21 ngày do quy đổi từ 7 ngày tạm giữ. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 14 (Mười bốn) tháng 9 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt, tính từ ngày cơ quan, đơn vị đ- ợc giao giám sát, giáo dục nhận đ- ợc quyết định thi hành án và bản án.

Giao Nguyễn Trường G cho UBND xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 10% thu nhập của Nguyễn Trường G trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ nhà n- ớc. Khoản tiền này bằng 240.000đ/ 1 tháng (Hai trăm bốn mươi nghìn đồng một tháng).

Phạt tiền Nguyễn Trường G 10.000.000 đồng sung quỹ nhà nước;

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248, điểm p khoản 1 điều 46, điều 30 và điều 31 BLHS 1999, xử phạt Đinh Văn Th1: 24 (Hai mươi tư) tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 27 ngày do quy đổi từ 9 ngày tạm giữ. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 23 (Hai mươi ba) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt, tính từ ngày cơ quan, đơn vị đ- ợc giao giám sát, giáo dục nhận đ- ợc quyết định thi hành án và bản án.

Giao Đinh Văn Th1 cho UBND xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 10% thu nhập của Đinh Văn Th1 trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ nhà n- ớc. Khoản tiền này bằng 200.000đ/ 1 tháng (Hai trăm nghìn đồng một tháng).

Phạt tiền Đinh Văn Th1 10.000.000 đồng sung quỹ nhà nước;

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248, điểm h khoản 1 điều 46, điều 30 và điều 31 BLHS 1999, xử phạt Nguyễn Thị Th2: 24 (Hai mươi tư) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 9 ngày do quy đổi từ 3 ngày tạm giữ. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 23 (Hai mươi ba) tháng 21 (Hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt, tính từ ngày cơ quan, đơn vị đ- ợc giao giám sát, giáo dục nhận đ- ợc quyết định thi hành án và bản án.

Giao Nguyễn Thị Th2 cho UBND xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 10% thu nhập của Nguyễn Thị Th2 trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ nhà n- ớc. Khoản tiền này bằng 200.000đ/ 1 tháng (Hai trăm nghìn đồng một tháng).

Phạt tiền Nguyễn Thị Th2: 10.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

- Các khoản tiền phạt bổ sung trong bản án này, các bị cáo phải nộp một lần trong thời hạn một tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá hạn nêu trên nếu chưa thi hành án khoản tiền phạt thì hàng tháng các bị cáo phải chịu thêm khoản tiền lãi quy định tại điều 357 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

c- ồng chế thi hành án theo quy định tại điều 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: - Áp dụng điểm a khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a, đ khoản 2, điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc 37.400.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ đã qua sử dụng; 01 đĩa sứ đã qua sử dụng; 02 chiếc chiếu cói kích thước (1,4 x 1,8) m đã qua sử dụng; 04 quần vị hình tròn được cắt ra từ vỏ bao thuốc lá.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Thành và chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành ngày 12/ 5 /2017 và giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 12/ 5/ 2017 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Thành và chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành).

- **Án phí:** Áp dụng: điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 điều 6, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Huy G, Lê Trọng D, Nguyễn Hữu Q, Đào Hữu Th, Hoàng Văn H, Nguyễn Duy N, Nguyễn Trường G, Nguyễn Thị Th2 và Đinh Văn Th1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Huy G, Lê Trọng D, Nguyễn Hữu Q, Đào Hữu Th, Hoàng Văn H, Nguyễn Duy N, Nguyễn Trường G, Nguyễn Thị Th2 và Đinh Văn Th1 đ- ọc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân

- Bị cáo;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CA huyện Thạch Thành;
- Trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa;
- L- u hồ sơ vụ án.

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đề cương xét hỏi

Chủ tọa hỏi bị cáo Tôn:

- Bị cáo đã nghe rõ bản cáo trạng của Viện kiểm sát vừa công bố chưa?
- Cáo trạng truy tố bị cáo về hành vi gì? Theo điều khoản nào của Bộ luật hình sự?
- Bị cáo hãy trình bày cho Hội đồng xét xử rõ sự việc xảy ra vào ngày 01/12/2016? bị cáo đi đâu? Gặp ai? Và làm những việc gì?
- Bị cáo trình bày rõ việc đánh bạc của bị cáo với những bị cáo khác?
- Ai là người cầm cái?
- Các bị cáo đánh bạc mức tiền cược thấp nhất là bao nhiêu ? Cao nhất là bao nhiêu?
- Bị cáo có bao nhiêu tiền để đánh bạc?
- Quá trình đánh bạc bị cáo ngồi ở vị trí nào?
- Chiếc ghế băng nằm ở vị trí nào? Cách chiếu bạc bao xa?
- Quá trình đánh bạc bị cáo được thua như thế nào?
- Bị cáo có vay tiền của ai trong chiếu bạc không?
- Quá trình đánh bạc bị cáo gọi điện cho những ai?

- Vào lúc 11g 17 phút bị cáo gọi cho số máy 01669964422 thời gian gọi 8 giây và 10 g 47 p thời gian gọi 27 giây là gọi cho ai?
- Gọi nội dung gì?
- Vào lúc 11 giờ 10 phút vợ bị cáo gọi cho bị cáo trao đổi nội dung gì?
- Thời gian chỉ có 4 giây sao có thể trao đổi kỹ vậy?
- Bị cáo Thất có tham gia đánh bạc ko?
- Bị cáo Thất đến nhà bị cáo để làm gì?
- Bị cáo Thất ko nấu cơm sao bị cáo ko bảo Thất về?
- Tại sao bị cáo ko cho Thất ra về vì sợ mở cửa công an vào mà lúc sau lại để cho Thất mở cửa cho Ngợi và Giang về
- Tại sao đang đánh bạc lại gọi cho vợ để làm gì?
- Bị cáo gọi cho chị Muôn để làm gì
- Khi công an bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền bao nhiêu?
- Bị cáo đánh bạc mục đích gì?
- Công an thu giữ của bị cáo những tài sản gì?
- Các bị cáo khác có nộp tiền cho bị cáo không?
- Bị cáo thu mỗi người bao nhiêu?
- Khi thu tiền bị cáo nói với những bị cáo khác như thế nào?
- Tại sao bị cáo thu tiền của các bị cáo?
- Mua chè thuốc, vậy trong quá trình đánh bạc các bị cáo có hút thuốc lá không?
- Số tiền đó hiện ở đâu?
- Bị cáo vay tiền của những ai?
 - Hỏi các bị cáo: Giáp Dũng Thái, Hùng, Quyền Ngợi Giang, Thượng
- Bị cáo Giáp tại sao khi bị bắt quả tang hành vi đánh bạc tại nhà Tồn bị cáo lại khai với cơ quan công an bị cáo là Nguyễn Văn Giang?
- Bị cáo nghe rõ lời khai của bị cáo Tồn tại phiên tòa hôm nay chưa?
- Bị cáo có bổ sung gì thay đổi gì về lời khai của bị cáo Tồn ko?
- Bị cáo có tham gia đánh bạc tại nhà Tồn ko?
- Bị cáo đánh bạc từ khoảng thời gian nào?
- Bị cáo khai rõ những ai tham gia đánh bạc tại nhà Tồn vào ngày 01/12/2016?
- Bị cáo có nộp tiền cho bị cáo Tồn ko?
- Quá trình đánh bạc các bị cáo có hút thuốc ko?
- Nộp bao nhiêu?
- Tại sao lại phải nộp tiền cho Tồn?
 - Bị cáo Thượng
- Bị cáo tham gia đánh bạc từ khi nào?
- Khi đi đánh bạc bị cáo mang theo bao nhiêu tiền?
- Bị cáo nhận thức như thế nào về hành vi phạm tội của mình?
 - Bị cáo Thất:
- Bị cáo đến nhà Tồn khi nào? Lúc mấy giờ?
- Đến để làm gì?
- (Hơn 11 giờ chị Hợp mới gọi điện cho Thất nhờ nấu cơm cho Tồn)

- Tại sao bị cáo đến mục đích để nấu cơm nhưng khi ko phải nấu cơm thì bị cáo không về nhà?
- Bị cáo ở lại nhà Tồn nhằm mục đích gì?
- Bị cáo có biết cách thức đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa ko?
- Tại sao bị cáo không biết gì mà lại ngồi xem?
- Khi các bị cáo đánh bạc bị cáo ngồi ở vị trí nào?
- Ghế bằng cách chiếu bạc bao xa?
- Có ai cấm bị cáo ko được mở cửa ra về ko?
- Tại sao bị cáo lại mở cửa cho Ngợi và Giang ra về?
- Bị cáo bị bệnh gì?
- Quá trình đánh bạc trong phòng kín các bị cáo hút thuốc rất nhiều ảnh hưởng đến bệnh tim và sức khỏe của bị cáo nhưng sao bị cáo không ra khỏi phòng hoặc về nhà
- Bị cáo có mâu thuẫn gì về các bị cáo khác ko?
- Bị cáo có ý kiến như thế nào khi các bị cáo khác đều khai bị cáo tham gia đánh bạc?
- (Nhà nước có hệ thống PL, con người được đào tạo bài bản và các công cụ cưỡng chế, ko phải cứ chối tội là ko có tội.....giáo dục.....)
- Bị cáo có cho Tồn vay tiền để đánh bạc ko?
- Bị cáo có đi ra ngoài lấy tiền cho Tồn đánh bạc không?

Hội thẩm Tình hỏi bị cáo Tồn:

- Mối quan hệ giữa bị cáo và bị cáo Nguyễn Thị Thất là như thế nào?
- Bị cáo nhận thức như thế nào về hành vi đánh bạc và gá bạc của mình?
- Tình trạng sức khỏe của bị cáo hiện nay như thế nào?
- Ngoài lần phạm tội này bị cáo có lần phạm tội nào khác không

Hỏi bị cáo Thất:

- Bị cáo lên nhà bị cáo Tồn để làm gì?
- Thực tế bị cáo có nấu cơm cho Tồn ko?
- Bị cáo có bị ai cấm đi về nhà mình ko?
- Bị cáo nhận thức thế nào về hành vi đánh bạc của mình?

Hội thẩm Kiên hỏi bị cáo Tồn:

- Bị cáo có phải là người rủ rê các bị cáo khác đánh bạc không?
- Ai là người cầm cái
- Địa điểm tổ chức đánh bạc có phải là nhà của bị cáo không?
- Vợ bị cáo có biết bị cáo dùng địa điểm của mình để cho các bị cáo khác đánh bạc ko?
- Bị cáo nhận thức thế nào về hành vi đánh bạc của mình

Hỏi bị cáo Thất:

- Tình trạng sức khỏe của bị cáo như thế nào?
- Bị cáo có tham gia đánh bạc không ko?
- Tại sao bị cáo thấy các bị cáo khác đánh bạc nếu bị cáo ko tham gia thì tại sao bị cáo không can ngăn hay báo cáo với cơ quan pháp luật?
- Hoàn cảnh gia đình bị cáo thế nào?